**PHỤ LỤC 2: RÀ SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC BỘ, NGÀNH**

**Kính gửi:** - Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ;

 - Các đồng chí Thứ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ; thành viên Tổ công tác.

| **STT** | **Bộ ngành** | **Tổng số TTHC** | **Số TTHC địa phương hóa** | **Số TTHC có TPHS thay thế bằng dữ liệu 2025** | **Số lượng TTHC nằm trong 1139** | **Giấy tờ yêu cầu thay thế 2025** | **CSDL liên quan 2025** | **Bộ Ngành cần kết nối dữ liệu** | **Đề xuất, kiến nghị** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |
| 1 | Bộ Công thương | 503 | 10,134 | 163 | 160 | (1) Căn cước: có trong 4 TTHC(2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: có trong 160 TTHC | (1) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 159 TTHC(2) CSDL quốc gia về Dân cư: phục vụ 5 TTHC | (1) Bộ Tài chính(2) Bộ Công an | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 2 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 261 | 5,381 | 80 | 18 | (1) Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư: có trong 17 TTHC(2) Bằng thạc sĩ, tiến sĩ: có trong 8 TTHC(3) Bằng tiến sĩ: có trong 1 TTHC(4) Bằng tốt nghiệp sơ cấp/trung cấp: có trong 2 TTHC(5) Bằng tốt nghiệp THCS: có trong 7 TTHC(6) Bằng tốt nghiệp THPT: có trong 8 TTHC(7) Căn cước: có trong 8 TTHC(8) Chứng chỉ nghề quốc gia: có trong 3 TTHC(9) Chứng nhận tốt nghiệp: có trong 1 TTHC(10) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: có trong 4 TTHC(11) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: có trong 3 TTHC(12) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: có trong 31 TTHC(13) Giấy chứng nhận thương binh đối với thương binh đang tại ngũ, công tác: có trong 1 TTHC(14) Giấy khai sinh: có trong 13 TTHC(15) Giấy xác nhận thân nhân của người có công: có trong 4 TTHC(16) Giấy xác nhận thông tin về cư trú: có trong 3 TTHC(17) Hộ chiếu phổ thông: có trong 2 TTHC(18) Học bạ: có trong 9 TTHC(19) Thẻ Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục: có trong 1 TTHC | (1) CSDL về Hồ sơ của người học (học bạ số và Văn bằng số): phục vụ 41 TTHC(2) CSDL quốc gia về Đất đai: phục vụ 31 TTHC(3) CSDL hộ tịch điện tử: phục vụ 13 TTHC(4) CSDL quốc gia về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài: phục vụ 10 TTHC(5) CSDL Giáo dục nghề nghiệp: phục vụ 8 TTHC(6) CSDL người hưởng chính sách ưu đãi người có công: phục vụ 5 TTHC(7) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 5 TTHC(8) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 4 TTHC(9) CSDL quốc gia về đầu tư công: phục vụ 4 TTHC(10) CSDL Căn cước công dân: phục vụ 3 TTHC(11) CSDL về cư trú: phục vụ 3 TTHC(12) CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh: phục vụ 2 TTHC(13) CSDL về các dự án đầu tư: phục vụ 2 TTHC(14) CSDL về giám sát, đánh giá đầu tư: phục vụ 1 TTHC | (1) (5) Bộ Giáo dục và đào tạo(2) Bộ NNMT(3) Bộ Tư pháp(4) (8) (9) (13) (14) Bộ Tài chính(6) Bộ Nội vụ(7) (10) (11) (12) Bộ Công an | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 3 | Bộ Khoa học và Công nghệ | 538 | 6,430 | 170 | 132 | (1) Căn cước: có trong 29 TTHC(2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: có trong 139 TTHC(3) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: có trong 6 TTHC(4) Giấy khám sức khỏe: có trong 5 TTHC(5) Hộ chiếu: có trong 19 TTHC(6) Lý lịch tư pháp: có trong 4 TTHC(7) Sổ Bảo hiểm xã hội: có trong 2 TTHC | (1) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 139 TTHC(2) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 29 TTHC(3) CSDL cấp, quản lý hộ chiếu phổ thông: phục vụ 19 TTHC(4) CSDL đối tượng trợ giúp xã hội: phục vụ 5 TTHC(5) CSDL lý lịch tư pháp: phục vụ 4 TTHC(6) CSDL quốc gia về bảo hiểm: phục vụ 2 TTHC | (1) (6) Bộ Tài chính(2) (3) (5) Bộ Công an(4) Bộ Y tế | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 4 | Bộ Nội vụ | 245 | 4,945 | 66 | 14 | (1) Bằng “Tổ quốc ghi công”: có trong 3 TTHC(2) Bằng Thạc sỹ, cử nhân: có trong 1 TTHC(3) Căn cước: có trong 4 TTHC(4) Chứng chỉ kiểm định viên: có trong 2 TTHC(5) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư và có vốn đầu tư dưới 20 tỷ VNĐ: có trong 1 TTHC(6) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: có trong 6 TTHC(7) Giấy chứng sinh: có trong 3 TTHC(8) Giấy khai sinh: có trong 5 TTHC(9) Giấy khai tử: có trong 13 TTHC(10) Giấy ra viện: có trong 1 TTHC(11) Giấy xác nhận thân nhân của người có công: có trong 1 TTHC(12) Giấy xác nhận thông tin về cư trú: có trong 2 TTHC(13) Hộ chiếu phổ thông: có trong 6 TTHC(14) Phiếu lý lịch tư pháp: có trong 21 TTHC(15) Sổ bảo hiểm xã hội: có trong 9 TTHC | (1) CSDL lý lịch tư pháp: phục vụ 21 TTHC(2) CSDL hộ tịch điện tử: phục vụ 18 TTHC(3) CSDL quốc gia về Bảo hiểm: phục vụ 9 TTHC(4) CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh: phục vụ 6 TTHC(5) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 6 TTHC(6) CSDL người hưởng chính sách ưu đãi người có công: phục vụ 4 TTHC(7) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 6 TTHC(8) CSDL về khám, chữa bệnh: phục vụ 4 TTHC(9) CSDL kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (phục vụ công tác báo cáo, thống kê): phục vụ 2 TTHC(10) CSDL Đại học: phục vụ 1 TTHC(11) CSDL quốc gia về đầu tư: phục vụ 1 TTHC | (1) (4) (5) Bộ Công an(2) Bộ Tư pháp(3) (7) (11) Bộ Tài chính(6) (9) Bộ Nội vụ(8) Bộ Y tế(10) Bộ Giáo dục và Đào tạo | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 5 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | 601 | 11,394 | 85 | 16 | (1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: có trong 11 TTHC(2) Giấy phép thăm dò khoáng sản: có trong 21 TTHC(3) Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật: có trong 7 TTHC | (1) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 53 TTHC(2) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 24 TTHC(3) CSDL về Hồ sơ của người học (học bạ số và Văn bằng số): phục vụ 7 TTHC(4) CSDL định danh điện tử tổ chức: phục vụ 4 TTHC(5) CSDL Căn cước công dân: phục vụ 3 TTHC(6) CSDL nghề cá quốc gia (Vnfishbase): phục vụ 3 TTHC(7) CSDL quốc gia về khoa học và công nghệ: phục vụ 1 TTHC(8) CSDL về phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn: phục vụ 1 TTHC(9) CSDL về giống cây trồng: phục vụ 1 TTHC(10) CSDL về khám, chữa bệnh: phục vụ 1 TTHC(11) Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý: phục vụ 1 TTHC | (1) (4) (5) (8) Bộ Công an(2) Bộ Tài chính(3) Bộ Giáo dục và đào tạo(6) (9) Bộ NNMT(7) Bộ KHCN(10) Bộ Y tế(11) Bộ Tư pháp  | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 6 | Bộ Tài chính | 949 | 6,209 | 60 | 30 | (1) Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư: có trong 8 TTHC(2) Căn cước: có trong 42 TTHC(3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: có trong 11 TTHC(4) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: có trong 1 TTHC(5) Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế: có trong 1 TTHC(6) Giấy chứng sinh: có trong 1 TTHC(7) Giấy khai sinh: có trong 1 TTHC(8) Giấy khai tử: có trong 5 TTHC(9) Giấy xác nhận thông tin về cư trú: có trong 2 TTHC(10) Hộ chiếu phổ thông: có trong 36 TTHC(11) Sổ bảo hiểm xã hội: có trong 4 TTHC | (1) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 101 TTHC(2) CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh: phục vụ 93 TTHC(3) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 12 TTHC(4) CSDL hộ tịch điện tử: phục vụ 8 TTHC(5) CSDL quốc gia về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài: phục vụ 8 TTHC(6) CSDL quốc gia về Bảo hiểm: phục vụ 4 TTHC(7) CSDL quản lý trẻ em: phục vụ 1 TTHC(8) CSDL chuyên ngành quản lý Thuế: phục vụ 1 TTHC | (1) (2) Bộ Công an(3) (5) (6) (8) Bộ Tài chính(4) Bộ Tư pháp(7) Bộ Y tế | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 7 | Bộ Tư pháp | 276 | 7,511 | 60 | 56 | (1) Giấy xác nhận thông tin về cư trú: có trong 3 TTHC(2) Hộ chiếu phổ thông: có trong 2 TTHC(3) Phiếu lý lịch tư pháp: có trong 11 TTHC(4) Bằng tiến sĩ: có trong 3 TTHC(5) Bằng Thạc sỹ, cử nhân: có trong 4 TTHC(6) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: có trong 3 TTHC(7) Chứng chỉ hành nghề đấu giá: có trong 4 TTHC(8) Thẻ công chứng viên: có trong 3 TTHC(9) Thẻ giám định viên tư pháp: có trong 2 TTHC(10) Giấy chứng tử: có trong 7 TTHC(11) Giấy đăng ký kết hôn: có trong 11 TTHC(12) Giấy khai sinh: có trong 16 TTHC(13) Chứng chỉ hành nghề luật sư: có trong 3 TTHC(14) Thẻ tư vấn viên pháp luật: có trong 3 TTHC(15) Thẻ Thừa phát lại: có trong 1 TTHC(16) Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam: có trong 2 TTHC(17) Căn cước: có trong 54 TTHC | (1) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 53 TTHC(2) CSDL quốc gia về xuất nhập cảnh: phục vụ 43 TTHC(3) CSDL hộ tịch điện tử: phục vụ 16 TTHC(4) CSDL lý lịch tư pháp: phục vụ 9 TTHC(5) CSDL về Hồ sơ của người học (học bạ số và Văn bằng số): phục vụ 2 TTHC(6) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 2 TTHC | (1) (2) (4) Bộ Công an(3) Bộ Tư pháp(5) Bộ Giáo dục và đào tạo(6) Bộ Tài chính | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 8 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 352 | 6,114 | 62 | 37 | (1) Hộ chiếu phổ thông: có trong 5 TTHC(2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để làm ngành, nghề kinh doanh có điều kiện: có trong 1 TTHC(3) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện: có trong 2 TTHC(4) Phiếu lý lịch tư pháp: có trong 3 TTHC(5) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: có trong 5 TTHC(6) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: có trong 53 TTHC(7) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: có trong 2 TTHC(8) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo: có trong 8 TTHC(9) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép kinh doanh: có trong 29 TTHC | (1) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 65 TTHC(2) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 6 TTHC(3) CSDL lý lịch tư pháp: phục vụ 2 TTHC(4) CSDL đăng ký phương tiện: phục vụ 2 TTHC | (1) Bộ Tài chính(2) (3) (4) Bộ Công an | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 9 | Bộ Xây dựng | 479 | 6,870 | 106 | 47 | (1) Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển: có trong 27 TTHC(2) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện: có trong 22 TTHC(3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: có trong 16 TTHC(4) Căn cước: có trong 12 TTHC(5) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: có trong 11 TTHC(6) Giấy phép lái xe: có trong 9 TTHC(7) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa: có trong 8 TTHC(8) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên Việt Nam đã có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp: có trong 5 TTHC(9) Giấy xác nhận thông tin về cư trú: có trong 5 TTHC(10) Chứng nhận tốt nghiệp: có trong 4 TTHC(11) Giấy đăng ký kết hôn: có trong 4 TTHC(12) Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy): có trong 2 TTHC(13) Bằng tốt nghiệp THPT: có trong 1 TTHC(14) Bằng tốt nghiệp sơ cấp: có trong 1 TTHC(15) Bằng tốt nghiệp trung cấp: có trong 1 TTHC(16) Chứng chỉ hành nghề kiến trúc: có trong 1 TTHC(17) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu: có trong 1 TTHC(18) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong giao thông vận tải: có trong 1 TTHC(19) Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: có trong 1 TTHC(20) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải: có trong 1 TTHC(21) Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ: có trong 1 TTHC(22) Giấy phép vận tải qua biên giới: có trong 1 TTHC(23) Giấy phép xây dựng: có trong 1 TTHC | (1) CSDL tàu biển, thuyền viên hàng hải: phục vụ 33 TTHC(2) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 23 TTHC(3) CSDL đăng ký phương tiện: phục vụ 21 TTHC(4) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 14 TTHC(5) CSDL đăng kiểm phương tiện: phục vụ 12 TTHC(6) CSDL quốc gia về Đất đai: phục vụ 11 TTHC(7) CSDL giấy phép lái xe: phục vụ 8 TTHC(8) CSDL về Hồ sơ của người học (học bạ số và Văn bằng số): phục vụ 8 TTHC | (1) (5) Bộ Xây dựng(2) (3) (7) Bộ Công an(4) Bộ Tài chính(6) Bộ NNMT(8) Bộ Giáo dục và đào tạo | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 10 | Bộ Y tế | 286 | 5,368 | 58 | 18 | (1) Căn cước: có trong 14 TTHC(2) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: có trong 11 TTHC(3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: có trong 28 TTHC(4) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: có trong 14 TTHC(5) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc hợp đồng cho thuê, mượn đất đai, cơ sở vật chất và tài sản gắn liền với đất: có trong 4 TTHC(6) Giấy chứng sinh: có trong 1 TTHC(7) Giấy chứng tử: có trong 7 TTHC(8) Giấy đăng ký kết hôn: có trong 1 TTHC(9) Giấy khai sinh: có trong 3 TTHC(10) Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài: có trong 3 TTHC(11) Giấy ra viện: có trong 1 TTHC(12) Giấy thông báo số định danh cá nhân: có trong 1 TTHC(13) Giấy xác nhận thông tin về cư trú: có trong 1 TTHC(14) Hộ chiếu: có trong 4 TTHC(15) Phiếu khám bệnh: có trong 1 TTHC(16) Phiếu lý lịch tư pháp: có trong 6 TTHC(17) Sổ khám bệnh: có trong 2 TTHC(18) Sổ tiêm chủng: có trong 1 TTHC(19) Thẻ bảo hiểm y tế: có trong 2 TTHC | (1) CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 53 TTHC(2) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 22 TTHC(3) CSDL Hộ tịch điện tử: phục vụ 8 TTHC(4) CSDL lý lịch tư pháp: phục vụ 6 TTHC(5) CSDL quốc gia về đất đai: phục vụ 4 TTHC(6) CSDL hồ sơ bệnh án điện tử: phục vụ 3 TTHC(7) CSDL về hoạt động xúc tiến thương mại: phục vụ 3 TTHC(8) CSDL tiêm chủng: phục vụ 2 TTHC(9) CSDL trẻ em: phục vụ 2 TTHC(10) CSDL quốc gia về Bảo hiểm: phục vụ 2 TTHC(11) CSDL bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản: phục vụ 1 TTHC(12) CSDL đối tượng trợ giúp xã hội: phục vụ 1 TTHC(13) Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia: phục vụ 1 TTHC | (1) Bộ Tài chính(2) (4) Bộ Công an(3) Bộ Tư pháp(5) Bộ NNMT(6) (8) (9) (11) (12) (13) Bộ Y tế (CSDL hồ sơ bệnh án điện tử ?)(7) Bộ Công thương (CSDL về hoạt động xúc tiến thương mại ?) | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 11 | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 329 | 0 | 37 | 37 | (1) Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư: có trong 11 TTHC(2) Căn cước: có trong 7 TTHC(3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: có trong 36 TTHC(4) Hộ chiếu phổ thông: có trong 4 TTHC(5) Phiếu lý lịch tư pháp: có trong 5 TTHC(6) Thị thực (visa): 1 | (1) CSDL Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: phục vụ 46 TTHC(2) CSDL Căn cước công dân: phục vụ 9 TTHC(3) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 7 TTHC(4) CSDL lý lịch tư pháp: phục vụ 5 TTHC(5) CSDL cấp, quản lý hộ chiếu phổ thông: phục vụ 5 TTHC(6) CSDL quốc gia về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài: phục vụ 4 TTHC(7) CSDL quốc gia về Đầu tư: phục vụ 6 TTHC(8) CSDL Lý lịch tư pháp: phục vụ 2 TTHC(9) CSDL Chứng khoán: phục vụ 2 TTHC(10) CSDL quản lý người nước ngoài tại Việt Nam: phục vụ 2 TTHC(11) CSDL Quốc gia về xuất nhập cảnh: phục vụ 1 TTHC(12) CSDL dùng chung về con dấu và kinh doanh có điều kiện: phục vụ 1 TTHC(13) CSDL hàng hóa: phục vụ 1 TTHC(14) CSDL quốc gia về đầu tư nước ngoài: phục vụ 1 TTHC(15) CSDL quốc gia về Đầu tư công: phục vụ 1 TTHC(16) CSDL đăng kiểm phương tiện: phục vụ 1 TTHC | (1) (6) (7) (9) (14) (15) Bộ Tài chính(2) (3) (4) (5) (8) (11) (12) Bộ Công an(10) Bộ Nội vụ (CSDL quản lý người nước ngoài tại Việt Nam)(16) bộ Xây dựng | - Căn cứ danh sách cắt giảm TPHS khi đã có dữ liệu được rà soát, xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 12 | Tòa án nhân dân | 3 | 0 | 1 | 1 | (1) Căn Cước: có trong 1 TTHC | (1) CSDL quốc gia về dân cư: phục vụ 1 TTHC | (1) Bộ Công an | - Xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai, hoàn thành trong tháng 9/2025 (theo chỉ đạo của Thủ tướng tại thông báo 408, ngày 8/8/2025).- Đánh giá từng TTHC gắn với đặc thù địa phương; tái cấu trúc quy trình, không để tình trạng địa phương hoá thành 72 nghìn thủ tục.- Chuẩn hóa dữ liệu, nâng cấp hệ thống, đảm bảo an toàn thông tin, kết nối chia sẻ với Bộ ngành khác để thực hiện thay thế TPHS bằng dữ liệu. |  |
| 13 | Bộ Ngoại giao | 70 | 168 | 0 | 0 |   |   |   |   |  |
| 14 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | 57 | 1,152 | 0 | 0 |   |   |   |   |  |
| 15 | Thanh tra Chính phủ | 19 | 402 | 0 | - |   |   |   |   |  |
| 16 | Bộ Công an | 377 | 543 | 0 | - |   |   |   |   |  |
| 17 | Bộ Quốc phòng | 217 | 84 | 0 | - |   |   |   |   |  |
| 18 | Văn phòng Trung ương Đảng | 3 | 0 | 0 | - |   |   |   |   |  |
| 19 | Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 12 | 12 | 0 | - |   |   |   |   |  |
| 20 | Ngân hàng phát triển Việt Nam | 112 | 0 | 0 | - |   |   |   |   |  |
| 21 | Ngân hàng Chính sách xã hội | 112 | 0 | 0 | - |   |   |   |   |  |
|  | **Tổng** | **5,801** | **72,717** | **948** | **566** |  |  |  |  |  |